

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

TÌM HIỂU CÁCH GIẢI THÍCH THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT CỦA SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT TIỂU HỌC

NGUYỄN THỊ NHUNG
(Nhà xuất bản Giáo dục HN)

1. Thành ngữ trong mỗi ngôn ngữ có một vị trí rất đặc biệt. Là một bộ phận quan trọng của từ vựng, thành ngữ là nơi thể hiện rất rõ các đặc trưng văn hoá dân tộc trong ngôn ngữ: “Nếu coi ngôn ngữ dân tộc là *tinh thần của dân tộc* thì cũng có thể nói thành ngữ (tục ngữ, ca dao, dân ca) là các hình thức biểu hiện khác nhau của bản sắc văn hoá dân tộc. Trong thành ngữ, chúng ta có thể tìm thấy những đặc điểm riêng của tư duy dân tộc, quan điểm thẩm mỹ, đạo lí làm người, luật đối nhân xử thế, lối sống, cách nghĩ, cách cảm cũng như thái độ đối với cái thiện và cái ác, cái cao cả và cái thấp hèn.” (6). Do có một vai trò quan trọng như vậy, cho nên thành ngữ được sử dụng phổ biến trong văn chương nghệ thuật, trong đời sống hằng ngày. Tuy nhiên, việc giải thích thành ngữ tiếng Việt sao cho đúng, thể hiện được hết các ý nghĩa của thành ngữ là một điều không hề đơn giản và không dễ thống nhất giữa các nhà nghiên cứu khác nhau. Trong sách giáo khoa (SGK) tiếng Việt Tiểu học (TH) và Ngữ văn Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, thành ngữ xuất hiện khá nhiều và dưới nhiều dạng khác nhau. Trong bài này, chúng tôi thử tìm hiểu về cách giải thích thành ngữ của SGK tiếng Việt TH so với cách giải thích thành ngữ của một số cuốn từ điển khác, từ đó có thể nêu ra đặc điểm của cách giải thích thành ngữ tiếng Việt trong SGK tiếng Việt TH.

Bảng so sánh cách giải thích thành ngữ của SGK tiếng Việt TH với một số cuốn từ điển thành ngữ khác

Thành ngữ	SGK Tiếng Việt Tiểu học	Thành ngữ tiếng Việt (1)	Từ điển thành ngữ Việt Nam (2)	Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam (3)
Ba chân bốn cẳng	Chạy rất nhanh, rất vội	Đi hoặc chạy nhanh, vội vã, hấp tấp	Chạy hoặc đi thật nhanh, thật mau lẹ, vội vàng hấp tấp	Vội vã tất tưởi

2. SGK tiếng Việt TH chúng tôi sử dụng làm tư liệu ở đây là bộ SGK tiếng Việt TH hiện hành, gồm có 10 cuốn sách thuộc về 5 khối lớp (1, 2, 3, 4, 5). Theo khảo sát của chúng tôi, trong SGK tiếng Việt TH, có 138 lượt xuất hiện của thành ngữ tiếng Việt. Các thành ngữ tiếng Việt trong SGK tiếng Việt TH xuất hiện phong phú dưới nhiều dạng như: trong các văn bản của phần Tập đọc, trong ngữ liệu của các bài tập và trong các bài tập về thành ngữ.

Trong 138 thành ngữ tiếng Việt của SGK tiếng Việt TH kể trên, số thành ngữ được giải thích là 16. Trong số 16 thành ngữ đó, có 5 thành ngữ Hán Việt, 11 thành ngữ còn lại là thuần Việt. Chúng tôi đã tiến hành so sánh cách giải thích thành ngữ của SGK tiếng Việt TH với ba cuốn từ điển thành ngữ khác là: (1) *Thành ngữ tiếng Việt* của Nguyễn Lực – Lương Văn Đang (NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978); (2) *Từ điển thành ngữ Việt Nam* của Nguyễn Như Ý – Nguyễn Văn Khang – Phan Xuân Thành (NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1994); (3) *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam* của Vũ Dung – Vũ Thuý Anh – Vũ Quang Hào (NXB Giáo dục, 1993). Sau đây là kết quả so sánh của chúng tôi:

<i>Khiển tướng, điều binh</i>	Chỉ huy quân đội	(<i>Điều binh khiển tướng</i> : (Hán – Việt) chỉ huy, điều khiển quân đội)	(<i>Điều binh khiển tướng</i> : Chỉ huy, điều khiển quân đội trong chiến đấu)	(<i>Điều binh khiển tướng</i> : Điều khiển, tổ chức sắp xếp quân đội ; tổ chức, điều hành nhân lực)
<i>Mặt cắt không còn giọt máu</i>	Sợ trắng bạch cả mặt	Quá sợ hãi, khiếp đảm	Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét	Bộ dạng của người khiếp đảm sợ hãi quá, khiến sắc mặt nhợt nhạt, tái ngắt
<i>Hai sương một nắng</i>	Làm việc vất vả từ sáng sớm đến tối	Làm việc vất vả khổ cực liên tục cả ngày từ buổi sớm mai cho đến chiều tối	1. Làm lung vất vả, chịu đựng, dai dẳng nhiều mưa nắng 2. Cẩn cù, chịu khó, chẳng quản mưa nắng, sương gió	Cuộc sống vất vả nhọc nhằn triền miên suốt ngày này qua ngày khác, quanh năm suốt tháng
<i>Cuốc bẫm cày sâu</i>	Ý nói chăm chỉ làm nghề nông	(<i>Cày sâu cuốc bẫm</i> : Làm ăn cần cù, chăm chỉ (trong nghề nông) [nói về đời sống cũ])	1. Cày cuốc, làm đất kĩ lưỡng, cẩn thận 2. Làm ăn cần mẫn, chăm chỉ, cẩn thận và tử tế 3. Lao động nặng nhọc, vất vả, quanh năm gần liền với ruộng đồng	
<i>Của ăn của để</i>	Của cải đủ dùng và còn có để dành	Đầy đủ, dư dật, có của ăn của để dành	Giàu có, dư dật, vừa có của tiêu pha hàng ngày vừa có của tích lũy, để dành	Có nhiều tiền của, chẳng những đủ ăn hàng ngày mà còn dư dật
<i>Bình chân như vại</i>	Ý nói không quan tâm, lo lắng gì		Không hề bận tâm, lo lắng, toan tính trước mọi việc xảy đến với mình và với người khác	(vại : đồ đựng bằng sành, gốm, hình trụ, lòng sâu, đáy bằng, bao giờ cũng được kê rất vững chắc). Vững vàng bình tĩnh không nao núng ; Hờ hững, dửng dưng bất chấp mọi chuyện xảy ra
<i>Tay bắt mặt mừng</i>	Gặp nhau vui vẻ, mừng rỡ	Gặp gỡ vui vẻ, mừng rỡ, hân hoan	Vui mừng, hân hoan, phấn khởi do lâu ngày mới được gặp nhau	Gặp gỡ vui vẻ mừng rỡ
<i>Bình an vô sự</i>	Bình yên, không có chuyện gì xảy ra	(Hán – Việt) Yên ổn, không gặp trở ngại, khó khăn	Bình yên, không gặp điều gì trắc trở, rủi ro hoặc nguy hiểm	Không gặp trở ngại khó khăn, yên ổn, không có việc gì không tốt xảy ra
<i>Góc biển chân trời Hồn lạc phách bay</i>	Nơi xa xôi Vô cùng sợ hãi, hoảng hốt	Nơi rất xa xôi, cách biệt (<i>Hồn lạc phách xiêu</i> : sợ hãi, hốt hoảng)	Xa xôi, cách trở Sợ hãi, hốt hoảng đến mức không còn hồn vía nữa. (<i>phách</i> : vía)	Nơi xa xôi cách biệt (<i>Hồn lạc phách xiêu</i> : quá sợ hãi, mất hết cả tinh thần và sinh lực trước một cảnh tượng hãi hùng ghê gớm hoặc mối đe dọa khủng khiếp)
<i>Hằng hà sa số</i>	Nhiều vô kể, không đếm xuể	(Hán – Việt) (Số cát ở sông Hằng). Rất nhiều, không đếm xuể	Rất nhiều, đếm không xuể, ví như cát trên sông Hằng. (<i>sa</i> : cát)	(<i>Hằng Hà</i> : sông Hằng, một con sông lớn, nhiều phù sa ở Ấn Độ ; <i>sa</i> : cát) Nhiều vô kể, không đếm xuể
<i>Tay hòm chìa khóa</i>	Nắm quyền quản lí tiền bạc và mọi công việc chi tiêu	Quyền cai quản, điều khiển việc chi tiêu trong gia đình	Quản lí, cai quản việc chi tiêu trong gia đình, trong cơ quan	Nắm quyền quản lí, trông nom mọi việc chi tiêu trong gia đình
<i>Trí dũng song toàn</i>	Vừa mưu trí vừa dũng cảm	(Hán – Việt) Vừa mưu trí, vừa dũng cảm, có đầy đủ phẩm chất tốt đẹp	Vừa có trí tuệ, tài năng vừa có lòng dũng cảm, có bản lĩnh	
<i>Đặc quyền đặc lợi</i>	Những quyền lợi dành riêng cho một số người có		Quyền lợi đặc biệt mà người khác không thể có	

	địa vị cao		được
Ngày một ngày hai	Nhanh chóng, có kết quả ngay	Thời gian không lâu ; dần dần sẽ tới. (Tính thời gian bằng đơn vị ngày)	Khoảng thời gian rất ngắn (được tính bằng từng ngày), không còn bao lâu nữa là sẽ đến

Từ bảng trên, chúng tôi so sánh các cách giải thích thành ngữ của các cuốn sách và thấy như sau:

– Trước hết, cách giải thích thành ngữ của SGK ngắn gọn hơn rất nhiều so với các từ điển còn lại. Trong cả 16 thành ngữ trên, không có thành ngữ nào mà phần giải thích của SGK lại dài hơn phần giải thích trong các cuốn từ điển đem ra so sánh.

– Về nội dung thành ngữ được giải thích: chúng tôi nhận thấy, SGK không chú thích gì thêm ở các phần giải thích của mỗi thành ngữ. Các từ điển khác hoặc có chú về loại thành ngữ (với thành ngữ Hán-Việt, như từ điển (2)), hoặc có thể giải thích một số yếu tố Hán-Việt ở trong thành ngữ (cả 3 cuốn từ điển). Những điều này không có trong phần giải thích của SGK. Ví dụ, với thành ngữ *hàng hà sa số*, cả 3 cuốn từ điển đem ra so sánh đều có giải thích nghĩa đen của thành ngữ là nói về cát ở sông Hằng Ấn Độ (từ điển (2) và (3) có giải thích thêm yếu tố *sa*), từ đó mới nói lên nghĩa bóng của thành ngữ là : *rất nhiều, không đếm xuể*. Trong khi đó SGK chỉ giải thích là: *không đếm xuể* (Tiếng Việt 5, tập một, tr. 90). Nghiên cứu cách giải thích về các thành ngữ khác của SGK tiếng Việt TH so với 3 cuốn từ điển trên chúng tôi đều thấy có hiện tượng như vậy. Điều này cho thấy, các tác giả SGK khi giải thích thành ngữ đã bỏ qua nghĩa đen, nghĩa trực tiếp của thành ngữ mà chỉ nêu lên nghĩa bóng tổng quát nhất của thành ngữ, nói một cách ngắn gọn nhất (vì vậy, các phần giải thích của SGK đều rất ngắn gọn).

– Tuy nhiên, theo chúng tôi, với một số thành ngữ thì cách giải thích của SGK còn sơ sài và nhiều chỗ chưa hoàn toàn chính xác. Ví dụ:

+ Thành ngữ *mặt cắt không còn giọt máu*:

• SGK giải thích: *sợ trắng bệch cả mặt* (Tiếng Việt 2, tập hai, tr. 75)

• Từ điển (1) giải thích: *Quá sợ hãi, khiếp đảm*

• Từ điển (2) giải thích: *Sợ hãi, khiếp đảm đến mức mặt tái mét*

• Từ điển (3) giải thích: *Bộ dạng của người khiếp đảm sợ hãi quá, khiến mặt nhợt nhạt, tái ngắt*

Như vậy, cả 3 quyển từ điển dù không giống nhau nhưng đều nói được một ý là thành ngữ này nói lên một trạng thái tâm lí của con người quá sợ hãi, khiếp đảm. Điều này SGK chưa nói được. Thứ hai, *mặt cắt không còn giọt máu* theo chúng tôi SGK giải thích là mặt trắng bệch là không hợp lí, mà cách từ điển (2) và từ điển (3) giải thích là mặt nhợt nhạt, tái ngắt hay tái mét mới đúng với sự miêu tả của thành ngữ này. Do vậy, cách giải thích này của SGK là chưa thoả đáng, và theo chúng tôi cách giải thích như của từ điển (3) là hợp lí nhất.

+ Thành ngữ *góc biển chân trời*, SGK tiếng Việt 3, tập hai (tr. 106) chỉ giải thích là nơi xa xôi. Các từ điển (1), (2), (3) ngoài việc khẳng định nội dung thành ngữ nói về nơi xa xôi, còn khẳng định tính chất cách biệt, cách trở về mặt địa lí, không gian. Theo chúng tôi, với thành ngữ này, đúng là cần phải nói thêm về sự cách biệt không gian mới diễn tả hết được nội dung ý nghĩa của thành ngữ. Như vậy, cách giải thích của SGK trong trường hợp này cũng còn sơ sài.

+ Thành ngữ *bình chân như vại* cũng là một thành ngữ mà chúng tôi cho là SGK tiếng Việt TH giải thích sơ sài, chưa nói được đúng ý nghĩa của thành ngữ.

+ Thành ngữ *đặc quyền đặc lợi* chỉ được giải thích trong từ điển (2), hai từ điển (1) và (3) không thấy xuất hiện thành ngữ này. Tuy nhiên, cách giải thích của SGK và từ điển (2) lại khác nhau. Tuy cùng nói về những quyền lợi đặc biệt của con người nhưng SGK cho rằng “chỉ dành cho một số người có địa vị cao” còn từ điển (2) thì cho rằng đây là những “quyền lợi đặc biệt mà người khác không thể có được”. Chúng tôi xem xét tiếp các ngữ cảnh mà thành ngữ

này xuất hiện trong SGK và ngữ cảnh mà từ điển (2) đưa ra để xem cách giải thích nào đúng hơn :

• SGK : “Nhưng điều đáng nói là những *đặc quyền đặc lợi* của phụ nữ trong bậc thang xã hội ở Giu-chi-tan, đứng trên hết là phụ nữ, [] nhiều chàng trai mới lớn thêm thường những *đặc quyền đặc lợi* của phụ nữ đến nỗi có lắm anh tìm cách trở thành con gái” (*Tiếng Việt 5*, tập hai, tr. 111)

• Từ điển (2) : “Ngăn ngừa và tẩy trừ đầu óc đặc quyền đặc lợi, chống mọi hành động xâm phạm tài sản của nhà nước và của tập thể”. [tr. 253]

Ngữ cảnh của SGK cho thấy, thành ngữ này đúng là nói đến những quyền lợi đặc biệt, nhưng không hẳn là dành cho một số ít người có địa vị cao như SGK đã giải thích, vì ở đây là dành cho tất cả phụ nữ ở thành phố Giu-chi-tan (nghĩa là có những người có địa vị cao nhưng cũng có người có địa vị thấp). Ngữ cảnh của từ điển (2) thì chưa làm rõ được quyền lợi đặc biệt này như thế nào. Chúng tôi tham khảo *Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên (NXB Đà Nẵng, 2004) thì thấy thành ngữ này được giải thích như sau : “Quyền lợi đặc biệt, ngoài lẽ thường, dành riêng cho một cá nhân, một tập đoàn hay một giai cấp”. Theo chúng tôi, có lẽ thành ngữ này giải thích theo cách của *Từ điển tiếng Việt* là hợp lí nhất, nghĩa là cả SGK và từ điển (2) đều chưa làm rõ được nghĩa của nó.

3. Nhận xét

Từ những phân tích trên đây, có thể thấy đặc điểm của cách giải thích thành ngữ trong SGK tiếng Việt TH là: giải thích ngắn gọn, chỉ nói nghĩa bóng (nghĩa biểu trưng của thành ngữ) một cách khái quát nhất, không chú thích thêm về loại thành ngữ hay giải thích các yếu tố riêng lẻ trong thành ngữ. Đặc điểm này bị chi phối bởi đối tượng mà SGK tiếng Việt TH hướng tới đó là các em học sinh TH. Theo chúng tôi, việc SGK không chú thích loại thành ngữ hay giải thích các yếu tố Hán Việt là hợp lí, bởi vì học sinh TH chưa được học về từ Hán-Việt, các

em không thể hiểu được thế nào Hán-Việt, thế nào là thuần Việt, cho nên nếu có chú thích là Hán-Việt thì sẽ càng khó hiểu cho các em. Cách giải thích ngắn gọn, nêu nghĩa khái quát nhất của thành ngữ trong SGK tiếng Việt TH theo chúng tôi cũng là hợp lí. Tuy từng ngữ cảnh mà thành ngữ xuất hiện, do thành ngữ là đơn vị khó nhất là đối với học sinh TH, tác giả SGK đã giải thích một cách phù hợp nhất nghĩa khái quát của thành ngữ để các em có thể hiểu được văn bản. Cách giải thích chi tiết của các cuốn từ điển là phù hợp với mọi đối tượng đọc sách. Còn với học sinh TH, yêu cầu các em hiểu chi tiết về nghĩa đen, nghĩa bóng của từng thành ngữ cũng như các yếu tố cấu tạo nên thành ngữ đó là không hợp lí. Cách giải thích như của SGK giúp các em hiểu được thành ngữ và ý nghĩa của nó trong ngữ cảnh xuất hiện là hợp lí.

Tuy nhiên, một số trường hợp chúng tôi nêu ở trên về việc giải thích sơ sài hay chưa chính xác của SGK tiếng Việt TH là những điều mà chúng tôi nghĩ các tác giả SGK cần phải lưu ý và thận trọng hơn nữa.

Tài liệu tham khảo

1. Vũ Dung – Vũ Thuý Anh – Vũ Quang Hào, *Từ điển thành ngữ, tục ngữ Việt Nam*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2000.
2. Nguyễn Công Đức, *Thử đề nghị một cách dạy học thành ngữ*, tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 2 / 1994.
3. Nguyễn Lực – Lương Văn Đang, *Thành ngữ tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
4. Phan Xuân Thành, *Tính biểu trưng của thành ngữ tiếng Việt*, tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 3 / 1990.
5. Phan Xuân Thành, *Để luận giải thành ngữ với tư cách là một đơn vị ngôn ngữ*, tạp chí *Văn hoá dân gian*, số 1 / 1992.
6. Nguyễn Như Ý – Nguyễn Văn Khang – Phan Xuân Thành, *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1994.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 29-11-2008)